

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 13-3-2023

*V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Hồng Chi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn Vĩnh

2. Bà Trần Thị Phương Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhựt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 248/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Cái Hữu B, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (*Có mặt*).

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Phương E, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2022, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Cái Hữu B, trình bày: Vào ngày 14/02/2011, ông B và bà E tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương; có tiền hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện A, tỉnh Bạc Liêu và được Ủy ban nhân dân xã D, huyện A, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 25/2011, quyền số 06/2010, ngày 14/02/2011.

Quá trình chung sống, ông B và bà E có tất cả 01 (một) người con chung là cháu Cái Hữu F, sinh ngày 23/3/2013. Hiện cháu Cái Hữu F đang sống chung với ông B và bà E tại địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

Về tài sản chung: Ông B và bà E không có tạo lập tài sản chung gì hết.

Về nợ chung: Trong thời gian chung sống, ông B và bà E không vay, mượn tiền, tài sản của bất kỳ cá nhân, cơ quan, tổ chức tín dụng hoặc Ngân hàng nào nên không có nợ chung.

Trong thời gian chung sống, do tính tình không hòa hợp, quan điểm sống khác nhau; bà E nhiều lần tự ý lấy vàng là tài sản chung của ông B và bà E đi bán mà không có sự đồng ý của ông B để lấy tiền trả nợ cho người khác dẫn đến giữa ông B và bà E thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã với nhau. Mặc dù, ông B và bà E vẫn còn sống chung một nhà nhưng giữa ông B và bà E không còn quan hệ vợ chồng, không làm ăn chung; không còn quan tâm chăm sóc, lo lắng lẫn nhau, không nói chuyện với nhau khoảng hơn 01 năm nay. Trong thời gian phát sinh mâu thuẫn, ông B và bà E đã nhiều lần trao đổi, nói chuyện với nhau để giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả.

Nay ông B yêu cầu được ly hôn với bà E. Khi ly hôn ông B yêu cầu được tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Cái Hữu F, sinh ngày 23/3/2013 và không yêu cầu bà E cấp dưỡng nuôi cháu Cái Hữu F. Về tài sản chung và nợ chung, ông B xác định ông B và bà E chung sống không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ý kiến, trình bày của bị đơn bà Lê Thị Phương E: Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập bà E đến Tòa án, nhưng bà E không thực hiện việc gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông B cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án cho Tòa án và cũng không đến Tòa án làm việc nên không thể ghi nhận ý kiến, yêu cầu của bà E đối với yêu cầu khởi kiện của ông B. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do ông B cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và B vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và B vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông B đối với bà E, cho ông B và bà E ly hôn; giao cháu Cái Hữu F, sinh ngày 23/3/2013 cho ông B tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; về cấp dưỡng ông B không yêu cầu bà E cấp dưỡng nuôi cháu Cái Hữu F nên không đặt ra xem xét, giải quyết; tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết; ông B phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ông B yêu cầu ly hôn với bà E và hiện nay bà E cư trú tại ấp C, xã D, huyện A, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn bà E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà E theo quy định khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Ông B và bà E tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã D, huyện A, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 25/2011, quyển số 06/2010, ngày 14/02/2011 nên hôn nhân giữa ông B và bà E là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Ông B yêu cầu được ly hôn với bà E với lý do trong thời gian chung sống, do tính tình không hòa hợp, quan điểm sống khác nhau; mặt khác, bà E nhiều lần tự ý lấy vàng là tài sản chung của ông B và bà E đi bán mà không có sự đồng ý của ông B để lấy tiền trả nợ cho người khác dẫn đến giữa ông B và bà E thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã với nhau. Mặc dù, ông B và bà E vẫn còn sống chung một nhà nhưng giữa ông B và bà E không còn quan hệ vợ chồng, không làm ăn chung; không còn quan tâm chăm sóc, lo lắng lẫn nhau, không nói chuyện với nhau khoảng hơn 01 năm nay. Trong thời gian phát sinh mâu thuẫn, ông B và bà E đã nhiều lần trao đổi, nói chuyện với nhau để giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Tại Biên bản xác minh ngày 08/02/2023, ông Trương Thanh H, Trưởng ấp C, xã D, huyện A, tỉnh Bạc Liêu xác định bà E nghe lời bạn bè đi chơi dẫn đến nợ tiền người khác, bà E đã về nhà lấy khoảng 03-04 chỉ vàng 24k là tài sản chung của ông B và bà E để trả nợ mà không có sự đồng ý của ông B dẫn đến ông B và bà E phát sinh bất đồng ý kiến, mâu thuẫn với nhau; từ khi xảy ra sự việc nêu trên, mặc dù, ông B và bà E vẫn còn sống chung một nhà nhưng giữa ông B và bà E không còn nói chuyện với nhau, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; bà E thường xuyên không có mặt tại nhà; bà E đi ra khỏi nhà mà không cho ông B biết khoảng 06 tháng nay. Xét thấy, hôn nhân giữa ông B và bà E thực tế đã phát sinh mâu thuẫn, không thể giải quyết, cuộc sống chung ông B và bà E đã không thể duy trì được. Điều này cho thấy, tình cảm vợ chồng giữa ông B và bà E đã không còn có sự quan tâm, chăm sóc,

thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông B đối với bà E, cho ông B được ly hôn với bà E.

[5] Về con chung, ông B yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Cái Hữu F, sinh ngày 23/3/2013. Xét thấy, ông B là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Cái Hữu F kể từ khi ông B và bà E phát sinh mâu thuẫn với nhau; đồng thời, tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 31/01/2023, cháu Cái Hữu F cũng có nguyện vọng được sống chung với ông B. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu Cái Hữu F, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông B; giao cháu Cái Hữu F cho ông B tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông B đang trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Cái Hữu F nên ông B được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Cái Hữu F. Bà E có quyền, B vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Về cấp dưỡng: Ông B không yêu cầu bà E cấp dưỡng nuôi cháu Cái Hữu F nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Ông B xác định ông B và bà E chung sống không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, ông B phải nộp 300.000 đồng. Ông B đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001347 ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu, được chuyển thu án phí.

[9] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 217 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và tiểu mục 1.1 Phần II Mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Cái Hữu B đối với bà Lê Thị Phương E, cho ông Cái Hữu B ly hôn với bà Lê Thị Phương E.

2. Về con chung: Giao cháu Cái Hữu F, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2013 cho ông Cái Hữu B trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông Cái Hữu B đang trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu cháu Cái Hữu F nên ông Cái Hữu B được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Cái Hữu F.

Bà Lê Thị Phương E có quyền, B vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Cái Hữu B không yêu cầu bà Lê Thị Phương E cấp dưỡng nuôi cháu Cái Hữu F nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về Hôn nhân và Gia đình, ông Cái Hữu B phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ông Cái Hữu B đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001347 ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu nên được chuyển thu án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện A;
- Chi Cục THADS huyện A;
- UBND xã D, huyện A, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

Dương Hồng Chi